TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 17 /2022/DS-ST
Ngày 19 / 04 /2022.
"*V/v:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản *".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến
- Các Hội thẩm nhân dân:
[1]. ông Phạm Thành Đô;
[2]. bà Lê Thị Thận;
- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 19 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/ DS- ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa ra xét xử số 13 /2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : ông Trần V T; sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn 6 , xã Ph S, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước
Bị đơn: Điểu Th Nh; sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 6 , xã Ph S, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Điểu H; sinh năm 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 6 , xã Ph S, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Ông Điểu Bai là chồng bà Điểu Th Nh có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, cụ thể:
Lần 1 vào ngày 18/05/2021 vay số tiền 70.000.000đ.
Lần 2 vào ngày 20/05/2021 vay số tiền 2.000.000đ.
Lần 3 vào ngày 27/05/2021 vay số tiền 1.000.000đ.

Lần 4 vào ngày 05/06/2021 vay số tiền 6.000.000đ.
Lần 5 vào ngày 7/06/2021 vay số tiền 3.000.000đ.
Lần 6 vào ngày 19/06/2021 vay số tiền 1.000.000đ.
Lần 7 vào ngày 23/06/2021 vay số tiền 2.000.000đ.
Lần 8 vào ngày 10/07/2021 vay số tiền 5.000.000đ.
Tổng cộng 90.000.000đ.
Lãi suất thỏa thuận miệng 2%/1 tháng, hẹn cuối tháng 7/2021 sẽ trả hết gốc và lãi. Đến tháng 8 /2021 thì ông Bai chết, từ đó đến nay bà Điểu Th Nhvà con trai Điểu H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bai vẫn không trả tiền.
Nay yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 90.000.000đ và tiền lãi từ ngày vay, mức lãi 1,6%/1 tháng.

Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Điểu H , Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:
[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.
[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền vay tổng cộng 90.000.000đ

Xét thấy theo các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp thì ông Điều Bai có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, tổng cộng 90.000.000đ. Bị đơn Điểu Th Nhvà Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Điểu H , là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Điểu Bai, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.
vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người liên quan Điểu H trả cho nguyên đơn số tiền đã vay tổng cộng 90.000.000đ.

Về tiền lãi : theo các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp, khi vay có thỏa thuận về lãi nhưng không rõ về mức lãi suất, do vậy cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi suất 0,83%/ 1 tháng, cụ thể:

1/ Từ ngày 18/05/2021 đến nay 19/04/2022 là 11 tháng 1 ngày, của số tiền vay 70.000.000đ :
70.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 10 tháng 1 ngày = 6.410.366đ.

2/ Từ ngày 20/05/2021 đến nay 19/04/2022 là 11 tháng của số tiền vay 2.000.000đ:

2.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 10 tháng 1 ngày = 182.600đ.

3/Từ ngày 27/05/2021đến nay 19/04/2022 là 10 tháng 23 ngày, của số tiền vay 1.000.000đ :
1.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 10 tháng 1 ngày = 89.363đ.

4/ Từ ngày 05/06/2021 đến nay 19/04/2022 là 10 tháng 14 ngày, của số tiền vay 6.000.000đ :
6.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 10 tháng 14 ngày = 521.240đ

5/Từ ngày 07/06/2021đến nay 19/04/2022 là 10 tháng 12 ngày, của số tiền vay 3.000.000đ :
3.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 10 tháng 1 ngày = 258.960đ.

6/Từ ngày 19/06/2021đến nay 19/04/2022 là 10 tháng , của số tiền vay 1.000.000đ :
1.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 10 tháng = 83.000đ.

7/Từ ngày 23/06/2021đến nay 19/04/2022 là 9 tháng 27 ngày, của số tiền vay 2.000.000đ :
2.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 9 tháng 27 ngày = 164.360đ

8/Từ ngày 10/07/2021đến nay 19/04/2022 là 9 tháng 9 ngày, của số tiền vay 5.000.000đ :
5.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 9 tháng 9 ngày = 385.950đ.

Như vậy tổng tiền lãi:8.095.839đ

Tổng cộng cả gốc và lãi 98.095.839đ buộc bị đơn và người liên quan Điều H trả cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 98.095.839đ nên tiền án phí là :

98.095.839đ x 5% = 4.904.791đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.428.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000246 ngày 11/1/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Điểu Th Nhvà Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Điểu H liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần V T tổng số tiền 98.095.839đ .

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn Điểu Th Nhvà Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Điểu H liên đới nộp tiền án phí DSST là 4.904.791đ. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơ n số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.428.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sô 0000246 ngày 11/1/2022.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến